

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1027/2017/DS-PT

Ngày: 17/11/2017

V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Xuân Trang**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Lê Ngọc Tường**

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Hiền**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa : Bà **An Phương Trang**, Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/11/2017 và ngày 17/11/2017 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 468/2017/TLPT-DS ngày 11/10/2017 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 345/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2355/2017/QĐ-PT ngày 23/10/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: 34/9A đường 34, khu phố 8, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mai Trung Đ, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: 179 Thống Nhất, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Ông **Trần Thanh N**, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: 76/1A đường 10, khu phố 3, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông Nguyễn Văn Sơn, sinh năm

1972 (có mặt ngày 13/11/2017, vắng mặt ngày 17/11/2017)

Địa chỉ: 53/7 đường 138, phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1958 (xin vắng)

Địa chỉ: 76/1A đường 10, khu phố 3, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị T, có ông Mai Trung Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào năm 2010, bà T đã dùng tài sản của bà (nhà đất số 34/9A đường 34, khu phố 8, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và thửa đất số 573, tờ bản đồ số 48, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) để bảo lãnh cho ông Trần Thanh N vay số tiền 850.000.000 đồng, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam, chi nhánh Thủ Đức, phòng giao dịch Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do ông N không trả được nợ nên Ngân hàng khởi kiện. Theo bản án số 87/2013/DS-ST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 165/2014/QĐPT-DS ngày 23/01/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thì ông Trần Thanh N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 1.032.379.353 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán đủ tiền; trường hợp ông N không trả nợ thì phát mãi tài sản thế chấp của bà T.

Ông N không tự nguyện thi hành án, nên ngày 28/09/2016, cơ quan thi hành án dân sự quận Thủ Đức đã phát mãi nhà và đất của bà T. Tổng số tiền phải thi hành án là 1.700.000.000 đồng (trong đó bà T phải thay ông N nộp án phí và thuế thu nhập cá nhân số tiền 45.800.000 đồng).

Việc ông N không trả nợ, dẫn đến tài sản của bà T bị phát mãi, bà T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông N hoàn trả cho bà khoản tiền mà đáng lẽ ra ông N và gia đình ông phải thi hành án, nhưng vợ chồng ông N không thực hiện. Do vậy bà T khởi kiện ra Tòa, yêu cầu vợ chồng ông N, bà T phải trả cho bà số tiền 1.700.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, bà T phát hiện ông N và bà T có dấu hiệu tẩu tán tài sản- lập Hợp đồng tặng cho nhà đất số 76/1A đường 10, khu phố 3, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cho con trai tên Trần Thanh Sơn.

Để tránh khả năng xảy ra T hại không thể khắc phục được và để đảm bảo cho việc thi hành án, ngày 11/7/2017, Tòa án đã chấp nhận yêu cầu của bà T,

ban hành Quyết định số 07/2017/QĐ-ADBPCKTT- áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”, cụ thể là phong tỏa nhà đất số 76/1A đường 10, khu phố 3, phường Tam Bình, quận Thủ Đức do ông Trần Thanh N và bà Trần Thị T đứng tên sở hữu.

Bà Trần Thị T đã khiếu nại, yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nhưng không được Chánh án Tòa án chấp nhận.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thanh N xác nhận lời trình bày của bà T là đúng. Nhưng ông N chỉ đồng ý hoàn trả cho bà T đúng với số nợ gốc mà ông còn nợ Ngân hàng là 774.000.000 đồng. Về tiền khoản tiền lãi và phí thi hành án, ông N không chấp nhận.

Ông N xác nhận đây chỉ là khoản nợ cá nhân của ông N, không liên quan đến vợ là bà Trần Thị T.

Bà Trần Thị T xác định ông N vay tiền không vì mục đích chi tiêu trong sinh hoạt thiết yếu của gia đình, bà không liên quan đến khoản nợ của ông N với Ngân hàng, nên bà không có trách nhiệm, nghĩa vụ đối với bà T.

Bản án sơ thẩm đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bị đơn ông Trần Thanh N thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền 1.225.800.000 (Một tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Trần Thanh N không thi hành án, thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Trần Thị T chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cùng với ông Trần Thanh N.

Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2017/QĐ-ADBPCKTT ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lê Thị T được liên hệ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, chi nhánh Thủ Đức nhận lại số tiền 50.000.000 đồng, theo tài khoản số 6100205398636.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 06/9/2017 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Trung Đ và ngày 13/9/2017 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn Sơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Bị đơn ông N không rút đơn kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa T với nhau giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà T kháng cáo yêu cầu buộc bà T có trách nhiệm liên đới cùng ông N trả cho bà số tiền 1.225.800.000 đồng, yêu cầu duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2017/QĐ-ADBPKCTT ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức với các căn cứ: ông N và bà T là vợ chồng, khoản nợ ông N vay ngân hàng để sử dụng vào mục đích hoạt động và sửa chữa Công ty Nam HSC do ông N làm giám đốc. Do ông N không trả nợ ngân hàng nên ngân hàng đã kiện đòi, sau đó đã phát mãi tài sản bà T thế chấp để bảo lãnh cho ông N vay.

Nhà đất 76/1A đường 10, khu phố 3, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông N, bà T, cần duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo việc thi hành án.

Ông Sơn đại diện cho ông N kháng cáo chỉ đồng ý trả lại cho bà T số tiền vốn vay ngân hàng là 774.000.000 đồng, không đồng ý tính lãi. Án phí và thuế thu nhập cá nhân không đồng ý trả vì ngoài phạm vi bà T bảo lãnh cho ông N. Đây là nợ cá nhân ông N nên không đồng ý với kháng cáo của bà T đòi bà T liên đới cùng ông N trả lại tiền.

Bà T xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm: chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc duy trì Quyết định áp dụng

biện pháp khẩn cấp tạm thời, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu bà T liên đới cùng ông N thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà T. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn 774.000.000 đồng tiền vốn gốc ông N vay ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà T lấy tài sản là nhà đất của mình để thế chấp bảo lãnh cho ông N vay 850.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam – chi nhánh Thủ Đức – Phòng giao dịch Quận 9. Do ông N không trả được nợ vốn và lãi nên ngân hàng khởi kiện, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông N không thi hành án nên cơ quan thi hành án đã phát mãi nhà đất của bà T để thi hành án thay cho ông N.

Căn cứ hợp đồng vay tiền, hợp đồng thế chấp, bản án số 87/2013/DS-ST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã có hiệu lực pháp luật thì chỉ cá nhân ông N vay, không đưa bà T tham gia tố tụng, không buộc trách nhiệm liên đới của bà T trong bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Mặc dù lời khai của ông N có dùng một phần số tiền để sửa chữa công ty Nam HSC nhưng hoạt động của công ty nhiều năm đều không có lợi nhuận, bà T không thừa nhận ông N có sử dụng tiền vay cho mục đích sinh hoạt gia đình.

Do vậy tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi buộc bà T có trách nhiệm liên đới với ông N thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền cho nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật.

Kháng cáo của nguyên đơn về phần này không được chấp nhận.

Xét kháng cáo của bà T về việc duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 07/2017/QĐ-ADBPKCTT ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức là có căn cứ đúng pháp luật nên được chấp nhận vì:

Nhà đất 76/1A đường 10, khu phố 3, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông N, bà T, ông N có nghĩa vụ trả lại tiền mà bà T đã phải thi hành án thay bằng việc bị phát mãi tài sản là nhà đất của bà T đã thế chấp bảo lãnh cho ông N vay tiền ngân hàng.

Do vậy cần phải duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên đối với phần tài sản của ông N để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông N

với bà T. Tòa sơ thẩm hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 07/2017/QĐ-ADBPKCTT ngày 11/7/2017 là không đúng nên sửa lại.

Xét kháng cáo của ông N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa sơ thẩm và tại đơn kháng cáo ông Sơn đại diện ông N đều đồng ý trả lại cho bà T số tiền tổng cộng 1.032.379.535 đồng, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông Sơn đại diện ông N chỉ đồng ý trả lại cho bà T số tiền vốn 774.000.000 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Xét kháng cáo của ông N về việc chỉ đồng ý trả lại cho bà T số tiền 1.032.379.535 đồng gồm vốn và lãi của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật là không có cơ sở, không đúng các thỏa T giữa ông N với ngân hàng, giữa ông N với bà T tại Hợp đồng thế chấp ngày 25/8/2010 có nội dung: khi bà T đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay thì ông N phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà T.

Như án sơ thẩm đã nhận định tất cả các khoản tiền bà T đã phải thi hành án thay cho ông N thì ông N phải trả lại cho bà T.

Đối với số tiền án phí và thuế thu nhập cá nhân bà T phải nộp thì ngân hàng mới giảm tiền lãi. Số tiền lãi được giảm trên 400.000.000 đồng gấp nhiều lần số tiền án phí và thuế thu nhập cá nhân, có lợi cho ông N.

Từ việc ông N là người vi phạm nghĩa vụ với ngân hàng và không thi hành án mà bà T phải thi hành án thay ông N nên ông N phải trả lại cho bà T tất cả các khoản tiền bà T đã thi hành án.

Cần phải sửa án một phần án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Do yêu cầu kháng cáo của bà T được chấp nhận một phần nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo của ông N không được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh N.

Sửa một phần án sơ thẩm:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị T:

Buộc bị đơn ông Trần Thanh N phải hoàn trả lại cho bà Lê Thị T số tiền 1.225.800.000 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà T về việc buộc bà Trần Thị T có trách nhiệm liên đới cùng ông Trần Thanh N trả tiền cho bà.

2. Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2017/QĐ-ADBPKCTT ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đối với phần tài sản của ông N để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của ông N với bà T.

Bà Lê Thị T được quyền liên hệ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn - chi nhánh Thủ Đức nhận lại số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) đã nộp bảo đảm theo tài khoản số 6100205398636 ngày 10/7/2017.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thanh N phải chịu 48.774.000 đồng (Bốn mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị T số tiền 31.500.000 đồng (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0015125 ngày 04/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0037021 ngày 12/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Ông N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0037023 ngày 14/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Xuân Trang